

Số: 2023/BC-UBND

Phong Thỏ, ngày 09 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 01/7/2020 về phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSDP Quý III năm 2020. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương Quý III năm 2020 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP 9 tháng năm 2020:

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện: Thực hiện Quý III là 750.281 triệu đồng, đạt 77,89% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn: Thực hiện 581.207 triệu đồng, đạt 60,35% so với dự toán HĐND huyện giao.

1. Về thu Ngân sách:

Tổng thu thực hiện: 750.281 triệu đồng (Ngân sách huyện hưởng 749.254 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Thu NSNN trên địa bàn: 30.789 triệu đồng, đạt 84,39% so với dự án toán HĐND huyện giao. (trong đó ngân sách huyện hưởng 28.576 triệu đồng, đạt 101,03% so với dự toán giao), bao gồm:

- Thuế ngoài quốc doanh: 17.806 triệu đồng, tăng 1,52% so với dự toán HĐND huyện giao.



- Lệ phí trước bạ: 6.301 triệu đồng, tăng 26,02% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: 1.485 triệu đồng, tăng 6,07% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Phí, lệ phí: 728 triệu đồng, đạt 51,56% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.694 triệu đồng. *(trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng 508 triệu đồng, đạt 24,19% so với dự toán HĐND huyện giao; Ngân sách huyện hưởng 1.186 triệu đồng, đạt 24,2% so với dự toán HĐND huyện giao).*

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: 1.497 triệu đồng, tăng 49,7% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Thu khác ngân sách: 1.278 triệu đồng, đạt 40,78% so với dự toán HĐND huyện giao.

1.2. Thu Bổ sung từ ngân sách cấp trên: 625.245 triệu đồng

- Thu bổ sung cân đối: 337.711 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 287.534 triệu đồng.

1.3. Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang: 50.071 triệu đồng.

1.4. Thu kết dư ngân sách: 44.176 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách.

Tổng chi thực hiện: 581.207 triệu đồng, đạt 60,35% so với dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách: 376.283 triệu đồng, đạt 63,34% so với dự toán giao.

* Chi đầu tư phát triển: 17.067 triệu đồng, đạt 68,29% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 16.144 triệu đồng, đạt 80,35% so với dự toán giao.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 923 triệu đồng, đạt 18,84% so với dự toán giao.

* Chi thường xuyên: 283.831 triệu đồng, đạt 61,31% so với dự toán giao.

- Chi sự nghiệp kinh tế thực hiện: 15.380 triệu đồng, đạt 65,51% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo thực hiện: 214.435 triệu đồng, đạt 59,9% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin thực hiện: 938 triệu đồng, đạt 54,92% so với dự toán HĐND huyện giao.



- Chi sự nghiệp Thể thao thực hiện: 538 triệu đồng, đạt 78,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình thực hiện: 3.403 triệu đồng, đạt 75,35% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội thực hiện: 7.529 triệu đồng, đạt 84,95% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quản lý hành chính ước thực hiện: 25.206 triệu đồng, đạt 63,34% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quốc phòng - an ninh: 6.770 triệu đồng, đạt 76,55% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi khác ngân sách: 2.213 triệu đồng, đạt 64,99% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp: 7.419 triệu đồng, đạt 55,82% so với dự toán HĐND huyện giao.

2.2. Chi dự phòng ngân sách huyện: 5.780 triệu đồng.

2.3. Chi chương trình có mục tiêu: 36.108 triệu đồng, đạt 48,14% so với dự toán HĐND huyện giao.

2.4. Chi chương trình MTQG: 124.171 triệu đồng, đạt 62,19% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 55.509 triệu đồng, đạt 65,8% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 68.662 triệu đồng, đạt 59,5% so với dự toán HĐND huyện giao.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

II. Đánh giá chung tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 9 tháng năm 2020.

1. Về thu ngân sách:

UBND huyện đã chỉ đạo phòng ban chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện các Luật thuế đã ban hành, UBND huyện đã triển khai quyết liệt nhiều biện pháp nhằm đảm bảo đạt số giao thu được cấp trên giao. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và góp phần tăng thu ngân sách



Nhà nước trên địa bàn, tăng cường quản lý thu, kết hợp với cải cách thủ tục hành chính đẩy mạnh thu nội địa, chống thất thu, xử lý, đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

2. Về chi ngân sách:

Việc điều hành chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020 thực hiện theo nguyên tắc chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, đúng tiêu chuẩn định mức được HĐND huyện giao.

Hầu hết các phòng, ban, ngành đoàn thể thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhất là các khoản chi thường xuyên như: Điện, nước, văn phòng phẩm, hội nghị, lễ hội ...

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND - UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

lnl

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nương Chè Mãn

BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 2023/BC-UBND ngày 09/10/2020 của UBND huyện Phong Thổ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tỉnh giao	Dự toán thu huyện giao	Thực hiện 9 tháng đầu năm	So sánh (%)		Ghi chú
					TH tháng/tỉnh giao	Ước TH tháng /HĐND giao	
A	B	2	3	4	5	6	7
	CÔNG	868.584	963.217	750.281	86,38	77,89	
	Trong đó: Ngân sách huyện hưởng (I.I+II+III+IV)	865.284	959.917	749.254	86,59	78,05	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	36.100	36.486	30.789	85,29	84,39	
I.1	Trong đó: Ngân sách huyện hưởng	32.800	33.186	29.762	90,74	89,68	
*	Ngân sách huyện hưởng khi loại trừ thu tiền sử dụng đất	27.900	28.286	28.576	102,42	101,03	
1	Thuế ngoài quốc doanh	17.500	17.540	17.806	101,75	101,52	
2	Lệ phí trước bạ	5.000	5.000	6.301	126,02	126,02	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.400	1.400	1.485	106,07	106,07	
4	Phí, lệ phí	1.200	1.412	728	60,67	51,56	
	- Phí, lệ phí trung ương hưởng	200	200	15	7,50	7,50	
	- Phí, lệ phí địa phương	1.000	1.212	713	71,30	58,83	
5	Thu tiền sử dụng đất	7.000	7.000	1.694	24,20	24,20	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	2.100	2.100	508	24,19	24,19	
	- Ngân sách huyện hưởng	4.900	4.900	1.186	24,20	24,20	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.000	1.000	1.497	149,70	149,70	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.134	1.278	42,60	40,78	
	- Ngân sách TW hưởng			402			
	- Ngân sách tỉnh hưởng	1.000	1.000	102	10,20	10,20	
	- Ngân sách địa phương hưởng	2.000	2.134	774	38,70	36,27	
II	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	832.484	832.484	625.245	75,11	75,11	
1	Thu bổ sung cân đối	560.911	560.911	337.711	60,21	60,21	
2	Thu bổ sung có mục tiêu, MTQG	271.573	271.573	287.534	105,88	105,88	
III	THU CHUYỂN NGUỒN		50.071	50.071			
IV	KẾT DƯ NGÂN SÁCH		44.176	44.176			

BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 2023 /BC-UBND ngày 09 /10 /2020 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 9 tháng đầu năm	So Sánh (%)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)	963.017	581.207	60,35	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	594.097	376.283	63,34	
I	Chi Đầu tư phát triển	24.993	17.067	68,29	
1	Chi XD CB tập trung	20.093	16.144	80,35	
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung	20.093	16.144	80,35	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.900	923,0	18,84	
2.1	Chi đầu tư	2.020	873,0	43,22	
2.2	Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; lập quy hoạch sử dụng đất; Cấm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ	2.880	50,0	1,74	
II	Chi thường xuyên	462.951	283.831	61,31	
1	Sự nghiệp kinh tế	23.479	15.380	65,51	
2	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	357.978	214.435	59,90	
	Trong đó:				
-	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	600	450	75,00	
3	Sự nghiệp Văn hóa	1.708	938	54,92	
4	Sự nghiệp Thể thao	688	538	78,20	
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	4.516	3.403	75,35	
	Trong đó:				
-	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016	1.500	1.488	99,20	
6	Đảm bảo xã hội	8.863	7.529	84,95	
7	Quản lý hành chính	39.794	25.206	63,34	
8	Chi an ninh - Quốc phòng	8.844	6.770	76,55	
9	Chi khác ngân sách	3.405	2.213	64,99	
10	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tỉnh giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi (Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hưởng so với dự toán tỉnh giao)	386		-	
11	Kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp	13.290	7.419	55,82	
III	Dự phòng ngân sách huyện	5.780	5.780	100,00	
IV	Chi ngân sách xã, trong đó:	100.373	69.605	69,35	
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	75.012	36.108	48,14	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	199.661	124.171	62,19	
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	84.363	55.509	65,80	
1	Vốn đầu tư	71.573	52.756	73,71	
2	Vốn sự nghiệp chương trình 30a	12.790	2.753	21,52	
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	115.298	68.662	59,55	
1	Vốn đầu tư	92.860	65.590	70,63	
2	Vốn sự nghiệp	22.438	3.072	13,69	